

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2020/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

DỰ THẢO 2

NGHỊ ĐỊNH

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 137/2015/NĐ-CP NGÀY 31/12/2015 QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT CĂN CƯỚC CÔNG DÂN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Căn cước công dân ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an,

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 137/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước công dân.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 137/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước công dân

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 5 như sau:

“5. Công an xã, phường, thị trấn có trách nhiệm thu thập, *cập nhật* thông tin về công dân cư trú trên địa bàn quản lý từ sổ sách quản lý về cư trú, hộ tịch và từ công dân vào *Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư*”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 6 như sau:

“3. Thủ trưởng cơ quan quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 5 Nghị định này có trách nhiệm kiểm tra tính pháp lý, tính chính xác của các thông tin trước khi chỉnh sửa thông tin trong *Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư*, quyết định việc chỉnh sửa thông tin về công dân trong cơ sở dữ liệu và chịu trách nhiệm về việc chỉnh sửa đó”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 8 như sau:

“2. Công dân được khai thác thông tin của mình trong *Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư* thông qua việc giải quyết thủ tục hành chính, văn bản yêu cầu khai thác thông tin hoặc thông qua dịch vụ viễn thông, *qua Cổng thông tin điện tử do cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư quy định*”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 9 như sau:

“1. Giám đốc Công an cấp tỉnh, Trưởng Công an cấp huyện, *Trưởng Công an cấp xã có thẩm quyền cho phép cung cấp thông tin về công dân cư trú tại địa phương cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có văn bản yêu cầu khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư quy định tại điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 8 Luật này*”.

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:

“Điều 10. Khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư

1. Khai thác bằng văn bản yêu cầu

a) Các tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 8 Nghị định này có nhu cầu khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì có văn bản yêu cầu gửi cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư quy định tại Điều 9 Nghị định này.

Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu, cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư có thẩm quyền quyết định cho phép khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

b) Công dân có nhu cầu khai thác thông tin của mình trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư khi thực hiện các thủ tục hành chính thì xuất trình Chứng minh nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính cung cấp ngay thông tin cho công dân khi giải quyết thủ tục hành chính.

Trường hợp công dân có yêu cầu cung cấp thông tin về bản thân bằng văn bản gửi cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì ngay khi nhận được yêu cầu của công dân, cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư có trách nhiệm cung cấp thông tin cho công dân.

c) Trường hợp cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư từ chối cung cấp thông tin về công dân cho tổ chức, cá nhân thì trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu phải trả lời cho tổ chức, cá nhân biết và nêu rõ lý do.

2. Khai thác thông tin qua dịch vụ viễn thông

a) Công dân có nhu cầu khai thác thông tin của mình trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư qua dịch vụ viễn thông thì gửi tin nhắn hoặc gọi điện qua tổng đài do cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư quy định.

b) Các trường thông tin của mình mà công dân được khai thác trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư qua dịch vụ viễn thông gồm: Họ, chữ đệm và tên khai sinh; ngày, tháng, năm sinh; giới tính; quê quán; nơi thường trú; nơi tạm trú; nơi ở hiện tại; quan hệ với chủ hộ; họ, chữ đệm, tên của chủ hộ và các thành viên trong hộ gia đình.

3. Khai thác thông tin qua cổng thông tin điện tử

a) Cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng số định danh cá nhân do chính công dân cung cấp để khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư nhằm phục vụ việc giải quyết các thủ tục hành chính, giao dịch dân sự qua Cổng thông tin điện tử do Cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư quy định.

b) Các trường thông tin của công dân có thể khai thác trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư qua Cổng thông tin điện tử gồm: Họ, chữ đệm và tên khai sinh; ngày, tháng, năm sinh; giới tính; quê quán; nơi thường trú; nơi tạm trú; nơi ở hiện tại; quan hệ với chủ hộ; họ, chữ đệm, tên của chủ hộ và các thành viên trong hộ gia đình”.

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 15 như sau:

“Điều 15. Trình tự, thủ tục cấp số định danh cá nhân đối với công dân đã đăng ký khai sinh

1. Công dân đã đăng ký khai sinh nhưng chưa được cấp số định danh cá nhân thì cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư xác lập số định danh cá nhân cho công dân theo thông tin hiện có trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

2. Ngay sau khi xác lập được số định danh cá nhân cho công dân, cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư có văn bản thông báo cho công dân về số định danh cá nhân đã được xác lập

và các thông tin của công dân hiện có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư chưa đầy đủ thì trong văn bản thông báo cần yêu cầu công dân bổ sung thông tin cho cơ quan Công an nơi mình đang cư trú để thực hiện cập nhật, chỉnh sửa thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

3. Trường hợp công dân đã có số định danh cá nhân mà được xác định lại giới tính thì cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư xác lập lại số định danh cá nhân cho công dân sau khi công dân đó đã thực hiện đăng ký lại hộ tịch liên quan đến thông tin về giới tính theo quy định pháp luật về đăng ký hộ tịch. Cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư có văn bản thông báo cho công dân về số định danh cá nhân đã được xác lập lại.

4. Cơ quan cấp thẻ Căn cước công dân sử dụng số định danh cá nhân đã được cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư xác lập cho công dân để cấp thẻ Căn cước công dân theo quy định tại Điều 18 Nghị định này”.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày..... tháng 12 năm 2020.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NC (3).

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Nguyễn Xuân Phúc